

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA THƯƠNG MẠI

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2023-2024
ĐỀ 2 (Thi lần 2)

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Nghị vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và khai báo hải quan.		
Mã học phần:	71SCMN40223	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	232_71SCMN40223_01, 232_71SCMN40223_02, 232_71SCMN40223_03, 232_71SCMN40223_04		
Hình thức thi: Trắc nghiệm và tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

Giảng viên nộp đề thi, đáp án bao gồm cả **Lần 1 và Lần 2 trước ngày**

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TN_De 1

+ **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TN_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Bàn giao đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Hiểu được các khái niệm về nghiệp vụ giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu và khai báo hải quan, hiểu được cách thức thực hiện quy trình khai báo hải quan theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của Việt nam	Trắc nghiệm	40	1-20	4	PI 3.2 PI 3.3
CLO2	Hiểu và giải thích được các kiến thức liên quan đến nghiệp vụ giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu và khai báo hải quan. Vận dụng các kiến thức đã học để có thể thực hiện các công việc trong nghiệp vụ giao nhận hàng hoá quốc tế như mua bảo hiểm, thuê phương tiện vận tải, khai hải quan, giao nhận vận tải.	Trắc nghiệm	40	1-20	4	PI 3.2 PI 3.3
CLO3	Vận dụng kiến thức đã học để có thể soạn thảo hoặc kiểm tra chứng từ phục vụ nghiệp vụ giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu và khai báo hải quan. Hiểu được công việc liên quan đến việc kiểm định, công bố những đối với hàng hoá cần kiểm định hoặc	Trắc nghiệm	40	1-20	4	PI 3.2 PI 3.3

	công bố khi nhập khẩu vào Việt nam.					
CLO5	Thể hiện kỹ năng thao tác các nghiệp vụ khai báo hải quan và xuất nhập khẩu hàng hóa	Tự luận	60	Câu 1,2	6	PI 7.1 PI 7.3

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

I/ Trắc nghiệm (04 điểm)

Dựa vào các thông tin được trích dẫn từ một tờ khai hải quan cho một lô hàng hóa xuất khẩu sau đây:

<EXP>

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông báo kết quả phân luồng)

Số tờ khai	304947365430	Số tờ khai đầu tiên	-	/	
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	B11	Mã số thuế đại diện	0303
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		CCSGKVIV		Mã bộ phận xử lý tờ khai	02
Ngày đăng ký	12/08/2022 08:06:49			Ngày thay đổi đăng ký	
Thời hạn tái nhập/ tái xuất	/ / -				

<01>

Mã số hàng hóa 03038919 Mã quản lý riêng
Mô tả hàng hóa CÁ NGŨ Ô ĐÔNG LẠNH (FROZEN BABY BONITO WR) SIZE 150/250

Vui lòng trả lời các câu hỏi từ 1-20 sau đây:

1. Lô hàng xuất khẩu này được phân vào luồng nào ?

- a. Luồng Vàng
- b. Luồng Xanh
- c. Luồng Đỏ
- d. Luồng 2

ANSWER A

2. Lô hàng này được phân loại vào Chương nào ?

- a. 03
- b. 89
- c. 19
- d.0303

ANSWER A

3. Lô hàng này được phân vào Nhóm hàng nào ?

- a.0303
- b.03
- c.8919
- d.030389

ANSWER A

4. Tờ khai hải quan này có giá trị làm thủ tục hải quan cho tới ngày nào ?

- a. 27/08/2022
- b. 22/08/2022
- c. 12/08/2022
- d. 30/08/2022

ANSWER A

5. Mã số hàng hoá (mã số HS) của lô hàng theo quy định của Hải quan Việt Nam có bao nhiêu chữ số ?

- a. 8
- b. 6
- c. 4
- d.10

ANSWER A

6. Trong biểu thuế XNK 2024 có bao nhiêu Phần, Chương ?

- a. 21 Phần; 98 Chương
- b. 21 Phần; 97 Chương
- c. 21 Phần; 77 Chương
- d. 20 Phần; 97 Chương

ANSWER A

7. Mã loại hình khai hải quan trên tờ khai (B11) có ý nghĩa là gì ?

- a. Xuất khẩu kinh doanh
- b. Nhập khẩu tiêu dùng
- c. Xuất khẩu tiêu dung
- d. Nhập khẩu kinh doanh

ANSWER A

8/ Dựa vào số tờ khai này, người khai hải quan đã có chỉnh sửa tờ khai hải quan bao nhiêu lần sau khi đã khai chính thức tờ khai và trước khi thông quan?

- a. 0
- b. 2
- c. 1
- d. 3

ANSWER A

9/ Thời hạn khai báo và nộp hồ sơ hải quan của lô hàng này nếu vận chuyển bằng đường biển ?

- a. Chậm nhất 4 h trước khi phương tiện vận tải xuất cảnh
- b. Chậm nhất 4 h sau khi phương tiện vận tải xuất cảnh
- c. Chậm nhất 4 h trước khi phương tiện vận tải nhập cảnh
- d. Chậm nhất 1 h trước khi phương tiện vận tải xuất cảnh

ANSWER A

10/ Người khai hải quan đăng ký tờ khai hải quan tại cơ quan hải quan nào ?

- a. Chi cục hải quan cảng Sài Gòn khu vực IV
- b. Chi cục hải quan cảng Sài Gòn khu vực I
- c. Chi cục hải quan cảng Sài Gòn khu vực II
- d. Chi cục hải quan cảng Sài Gòn khu vực III

ANSWER A

11/ Nguyên tắc xác định trị giá hải quan xuất khẩu là gì ?

- a. Là giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất không bao gồm phí bảo hiểm quốc tế (I), phí vận tải quốc tế (F)
- b. Là giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất không bao gồm phí bảo hiểm quốc tế (I)
- c. Là giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất không bao gồm phí vận tải quốc tế (F)
- d. Là giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất đã bao gồm phí bảo hiểm quốc tế (I), phí vận tải quốc tế (F)

ANSWER A

12/ Hồ sơ hải quan gồm các chứng từ nào ?

- a. Hồ sơ hải quan gồm tờ khai hải quan và các chứng từ có liên quan theo quy định của Luật Hải quan
- b. Hồ sơ hải quan gồm tờ khai hải quan phải nộp hoặc xuất trình cho cơ quan hải quan theo quy định của Luật Hải quan

- c. Hồ sơ hải quan gồm các chứng từ phải nộp hoặc xuất trình cho cơ quan hải quan theo quy định của Luật Hải quan
- d. Tất cả đều đúng.

ANSWER A

13/ Kiểm tra hải quan là gì ?

- a. Là việc cơ quan hải quan kiểm tra hồ sơ hải quan, các chứng từ, tài liệu liên quan và kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải
- b. Là việc cơ quan hải quan kiểm tra hồ sơ hải quan, phương tiện vận tải
- c. Là việc cơ quan hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải
- d. Là việc cơ quan hải quan kiểm tra hồ sơ hải quan, các chứng từ, tài liệu liên quan

ANSWER A

14/ Người khai hải quan bao gồm ?

- a. Chủ hàng hóa; chủ phương tiện vận tải; người điều khiển phương tiện vận tải; đại lý làm thủ tục hải quan, người khác được chủ hàng hóa, chủ phương tiện vận tải ủy quyền thực hiện thủ tục hải quan
- b. Chủ hàng hóa; chủ phương tiện vận tải; người điều khiển phương tiện vận tải
- c. Chủ hàng hóa; đại lý làm thủ tục hải quan
- d. Chủ hàng hóa; chủ phương tiện vận tải; người điều khiển phương tiện vận tải; đại lý làm thủ tục hải quan

ANSWER A

15/ Người khai hải quan có nghĩa vụ lưu giữ hồ sơ hải quan đối với hàng hóa đã được thông quan trong thời hạn nào ?

- a. 05 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan
- b. 05 năm kể từ ngày thông quan hàng hóa
- c. 05 năm kể từ ngày hoàn tất thủ tục hải quan
- d. 03 năm kể từ ngày thông quan hàng hóa

ANSWER A

Câu 16: Trên ECUS5/VNACCS, khai trước thông tin xuất khẩu là nghiệp vụ:

- a. EDA
- b. IDA
- c. EDB
- d. EDC

ANSWER A

Câu 17: Quy tắc phân loại hàng hoá:

- a. Áp dụng tuần tự từ quy tắc 1 đến quy tắc 4
- b. Áp dụng tuần tự từ quy tắc 1 đến quy tắc 5
- c. Áp dụng tuần tự từ quy tắc 1 đến quy tắc 6
- d. Áp dụng tuần tự từ quy tắc 1 đến quy tắc 7

ANSWER A

Câu 18. Lô hàng này khi xuất khẩu phải xin C/O, thì xin C/O để làm gì?

- a. Theo yêu cầu của nhà nhập khẩu
- b. Để nộp cho cơ quan Hải Quan Việt Nam

- c. Để hưởng thuế ưu đãi ở khâu xuất khẩu
- d. Tất cả các điều đúng

ANSWER A

Câu 19. Lô hàng này xuất khẩu sang thị trường Mỹ thì xin C/O Form gì?

- a. Form B
- b. Form RCEP
- c. Form CPTPP
- d. Form E

ANSWER A

Câu 20. Lô hàng này xuất sang thị trường Mỹ thì xin C/O ở đâu?

- a. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)
- b. Phòng quản lý xuất nhập khẩu- Bộ Công Thương
- c. Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất
- d. Tất cả đều đúng

ANSWER A

Phần II: Tự luận (6 điểm)

Câu 1(3 điểm): Thanh hợp kim gồm 95% Bạc (71.06), 2% Vàng (71.08), 3% Bạch kim (71.10) ?

- a) Anh chị hãy cho biết thanh hợp kim trên thuộc nhóm hàng nào?
- b) Anh chị phân loại thanh hợp kim trên dựa theo quy tắc mấy? Giải thích.

ĐÁP ÁN:

a. Thanh hợp kim trên thuộc nhóm Bạc kim (71.10)	1.0 đ
<p>b. Dựa theo quy tắc 1, chú giải 5 chương 71</p> <p>5. Theo mục đích của Chương này, hợp kim bất kỳ (kể cả hỗn hợp thiêu kết và hợp chất liên kết kim loại) có chứa kim loại quý được xem như là một hợp kim của kim loại quý nếu kim loại quý đó cấu thành bằng 2% tính theo khối lượng của hợp kim. Các hợp kim của kim loại quý được phân loại theo các quy tắc sau:</p> <p>(a) Một hợp kim có chứa 2% trở lên, tính theo khối lượng, là bạch kim thì được coi là một hợp kim của bạch kim;</p> <p>(b) Một hợp kim có chứa 2% trở lên, tính theo khối lượng, là vàng, nhưng không có bạch kim, hoặc có dưới 2% tính theo khối lượng, là bạch kim, thì được coi là hợp kim vàng;</p> <p>(c) Các hợp kim khác chứa 2% trở lên, tính theo khối lượng, là bạc thì được coi là hợp kim bạc.</p>	2.0 đ

Câu 2 (3.0đ): Công ty A thông qua công ty môi giới X để ký kết hợp đồng nhập khẩu từ nhà cung cấp B, lô hàng gồm 1000 sản phẩm, đơn giá FOB Ningbo port (Incoterms® 2010) là 250 USD/sản phẩm. Do công ty A thanh toán một lần, nên sẽ được hưởng ưu đãi giảm 10% giá hóa đơn. Tiền cước phí vận chuyển và bảo hiểm hàng tới cảng Cát Lái cho lô hàng này

tổng cộng là 950 USD, phí môi giới công ty A sẽ phải trả cho công ty X là 550 USD, chi phí bao bì đóng gói theo yêu cầu công ty A phải trả là 150 USD, tất cả những chi phí này đều chưa được tính vào hóa đơn thương mại. Tỷ giá USD/VND: 23500. Xác định Trị giá hải quan của lô hàng theo phương pháp trị giá giao dịch?

Với thuế suất nhập khẩu 5%, VAT 10% hãy tính các loại thuế cho lô hàng?

ĐÁP ÁN:

<p>Giá thực tế = $1000 \times 250 = 250.000$ USD</p> <p>Các khoản điều chỉnh cộng gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - I+F= 950 USD - Phí môi giới: 550 USD - Phí bao bì đóng gói: 150USD <p>Các khoản điều chỉnh trừ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản giảm giá 10%: $250000 \times 10\% = 25.000$ USD <p>Trị giá hải quan = $250.000 + 950 + 550 + 150 - 25.000 = 226.650$ USD</p>	2 đ
<p>Thuế NK = $226.650 \times 23500 \times 5\% = 266.313.750$ đồng</p> <p>Thuế VAT = $(226.650 \times 23500 + 266.313.750) \times 10\% = 559.258.875$ đồng</p>	1đ

THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Câu số/Nội dung câu hỏi	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		4.0	
	Câu 1 – 20	0.20	
II. Tự luận		6.0	
	Câu 1	3.0	
	Câu 2	3.0	
	Điểm tổng	10.0	


TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Người duyệt đề



Th.S Nguyễn Viết Tịnh

Giảng viên ra đề



Th.S Ngô Thị Thuỳ Linh
Th.S Nguyễn Thị Thơ